BẢN TIN CHỨNG KHOÁN NGÀY 26/08/2021

25/08/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,309.55	0.83%	1,428.51	0.72%	336.01	1.27%
Tổng KLGD (tr. cp)	**518.86**	**-26.82%**	**161.00**	**-24.80%**	**122.07**	**-29.96%**
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	**479.57**	**-25.59%**	**153.26**	**-24.75%**	**100.13**	**-37.90%**
TB 20 phiên (tr. cp)	678.81	-29.35%	214.93	-28.69%	144.20	-30.56%
Tổng GTGD (tỷ VND)	**16,586.12**	**-28.82%**	**8,321.66**	**-27.81%**	**2,931.72**	**-34.75%**
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	**15,173.64**	**-28.44%**	**7,805.38**	**-26.97%**	**2,280.08**	**-44.26%**
TB 20 phiên (tỷ VND)	21,738.62	-30.20%	10,903.82	-28.42%	3,524.80	-35.31%
		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %
Số mã tăng	228	55%	25	83%	128	35%
Số mã giảm	134	33%	3	10%	86	23%
Số mã đứng giá	49	12%	2	7%	154	42%

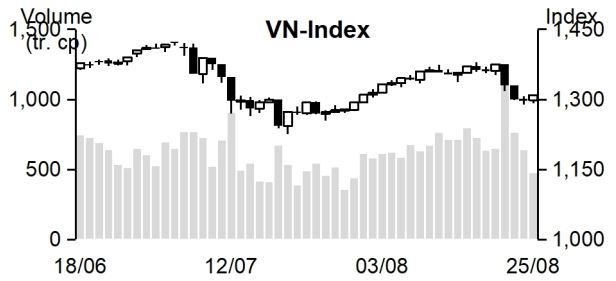

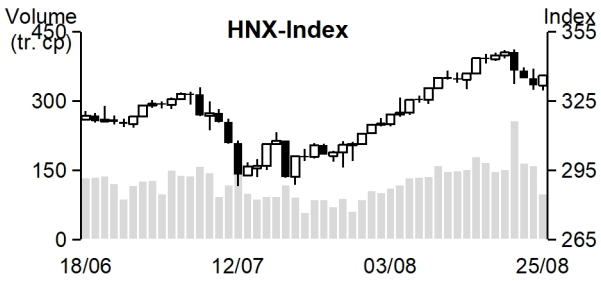

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có diễn biến giao dịch giằng co trong phần lớn của phiên giao dịch hôm nay trước khi bật tăng mạnh vào cuối phiên với sắc xanh đồng thuận được ghi nhận ở nhiều nhóm ngành. Tuy nhiên, thanh khoản lại giảm mạnh và xuống dưới ngưỡng trung bình cho thấy nhiều nhà đầu tư vẫn đang thận trọng trước những quyết định giải ngân trong giai đoạn này. Về diễn biến trong phiên, bên cạnh đóng góp của những cổ phiếu vốn hóa lớn, một số nhóm ngành như thép, dầu khí hay than đá cũng hưởng ứng tích cực theo sự vận động đi lên của giá nguyên vật liệu trên thế giới.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại sau chuỗi giảm ba phiên trước đó. Khối lượng giao dịch sụt giảm và duy trì ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền đang đứng ngoài thị trường. Không những vậy, chỉ số vẫn nằm trong xu hướng giảm ngắn hạn, khi chỉ số chưa thoát khỏi áp lực từ MA5 và 20, cùng với đường – DI đang nằm trên +DI cho tín hiệu củng cố xu hướng giảm hiện tại, phiên tăng điểm vừa qua có thể chỉ nằm trong nhịp hồi kỹ thuật hướng về vùng kháng cự mạnh quanh 1,220 – 1,240 điểm (MA5 và 20). Thêm vào đó, đường MACD nằm dưới Signal duy trì tín hiệu bán, trong trường hợp chỉ số không sớm vượt qua được áp lực của MA100 thì làn sóng chốt lời có thể dâng cao và đẩy chỉ số quay lại xu hướng giảm chính, với hỗ trợ mục tiêu quanh vùng 1,200 – 1,220 điểm (MA200). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên tăng điểm trở lại từ hỗ trợ MA20 nhưng vẫn chưa thoát khỏi áp lực từ MA5 cùng với MACD cắt xuống Signal cho tín hiệu bán. Vì vậy, nếu chỉ số không sớm vượt qua được MA5 trong phiên tới thì quay lại thử thách vùng 330 điểm (MA20) thêm lần nữa. Nhìn chung, phiên tăng điểm 25/8 có thể nằm trong một nỗ lực hồi phục kỹ thuật. Do đó, nhà đầu tư nên thận trọng để tránh rủi ro bị cuốn vào “Bull Trap”.

Cổ phiếu khuyến nghị: DHA (Mua)

Cổ phiếu quan sát: MSN, VCS, HAH

(Xem chi tiết ở trang 2)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	**DHA**	Mua	26/08/21	44.55	44.55	0.0%	50	12.2%	43.3	-2.8%	Cổ phiếu đã được tích lũy và có cơ hội bước vào nhịp tăng mới

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	**MSN**	Quan sát mua	26/08/21	135	150 | 160	Nến tăng tốt, phủ nhận nến giảm dài vol cao sau hai phiên hồi phục, cho khả năng phiên giảm này là phiên rũ hàng -> khả năng quay lại xu hướng tăng, có thể canh mua quanh 133-133.5
2	**VCS**	Quan sát mua	26/08/21	119.3	135-140	Cặp nến đảo chiều Bullish Engulfing quanh hỗ trợ MA50 -> khả năng quay lại xu hướng tăng
3	**HAH**	Quan sát mua	26/08/21	55.4	63.5	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ 51-54 tích cực với nến, vol nhỏ dần -> khả năng sớm có nhịp hồi về test đỉnh

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	**KBC**	Mua	20/08/21	36.2	37.2	-2.7%	41	10.2%	35.5	-5%	

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

WB: Phục hồi kinh tế Việt Nam có thể chậm lại và tăng trưởng GDP dưới 4,8%

Báo cáo điểm lại tháng 8 vừa được WB công bố nhận có dự báo về triển vọng ngắn hạn và trung hạn của nền kinh tế cũng như nhận định rủi ro nội tại và bên ngoài liên quan đến đại dịch Covid-19.

Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng vững chắc ở mức 5,6% trong nửa đầu năm 2021, nhưng phải đối mặt với những rủi ro nghiêm trọng cả bên trong và bên ngoài, bao gồm dịch bệnh Covid-19 bùng phát trong nước và đã lan ra hầu hết các địa phương từ cuối tháng 4.

Về khu vực kinh tế đối ngoại, Việt Nam vẫn duy trì được vị thế tích cực với dự trữ ngoại hối tăng lên nhưng cả cán cân thương mại hàng hóa và cán cân vãng lai đã trở nên xấu đi trong nửa đầu năm.

Trong thời gian tới, nền kinh tế Việt Nam có thể tăng trưởng khoảng 4,8% trong năm nay và hướng dần về tốc độ tăng trưởng trước đại dịch ở mức từ 6,5% đến 7% từ 2022 trở đi. Đây là dự báo tích cực, nhưng vẫn thấp hơn 2 điểm phần trăm so với dự báo trong kỳ báo cáo điểm lại tháng 12/2020, do tác động tiêu cực liên quan đến đợt bùng phát dịch Covid-19 gần đây và còn phụ thuộc vào một số rủi ro tiêu cực khác.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy tình hình tài khóa có thể xấu đi nhanh, nếu làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4 không được kiểm soát sớm.

WB cho rằng đã đến lúc phải có một kế hoạch giải quyết nợ xấu và xử lý ngân hàng yếu kém.

Dòng tiền lại ồ ạt tìm đến trái phiếu

Theo bản tin trái phiếu tuần từ 16 - 20/8 của Công ty chứng khoán Bảo Việt (BVSC), trong tuần qua, Kho bạc Nhà nước (KBNN) tổ chức gọi thầu tại 4 loại kỳ hạn: 5 năm, 10 năm, 15 năm và 20 năm. Khối lượng gọi thầu cho 4 loại kỳ hạn trên lần lượt ở mức 1.500 tỷ, 3.000 tỷ, 4.500 và 1.000 tỷ đồng.

Tỷ lệ trúng thầu so với gọi thầu TPCP trong tuần qua tiếp tục duy trì ở mức cao, tới 90%, với tổng khối lượng trúng thầu đạt 8.967 tỷ đồng, giảm nhẹ 5% so với tuần trước đó nhưng vẫn cao hơn 28% so với kế hoạch ban đầu.

Luỹ kế từ đầu năm tới nay, KBNN đã phát hành tổng cộng trên 195 nghìn tỷ đồng TPCP, hoàn thành xấp xỉ 56% kế hoạch phát hành của cả năm 2021 và 45% kế hoạch của Quý 3.

Trong tuần từ ngày 23 - 27/8, dự kiến KBNN sẽ gọi thầu 8.000 tỷ đồng tại 3 kỳ hạn: 10, 15 và 30 năm.

Nguồn： NDH · Cafef

Tin doanh nghiệp niêm yết

Hoa Sen lãi 303 tỷ trong tháng 7, giảm mạnh so với 4 tháng trước

Tập đoàn Hoa Sen (HoSE: HSG) thông báo sản lượng tháng 7 đạt 189.474 tấn, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu 4.921 tỷ đồng, tăng 97% và lợi nhuận sau thuế 303 tỷ đồng, tăng 124%.

So với tháng trước, sản lượng tiêu thụ của Hoa Sen tăng 8% và doanh thu tăng 26,6% nhưng lợi nhuận giảm 46%. Sau 4 tháng liên tiếp lợi nhuận trên 500 tỷ đồng thì tháng 7 đã giảm 40%.

Trong bối cảnh dịch bệnh, Hoa Sen vẫn duy trì được đà tăng sản lượng nhờ vào hoạt động xuất khẩu tôn mạ. Lũy kế 7 tháng 2021, Hoa Sen xuất khẩu 737.392 tấn tôn mạ, chiếm 67% tổng sản lượng bán ra.

Lũy kế 10 tháng niên độ 2020-2021, tập đoàn tiêu thụ 1,9 tấn sản phẩm, tăng 50% so với cùng kỳ năm trước và vượt 5% kế hoạch năm. Doanh thu 37.850 tỷ đồng, tăng 75% và vượt 15% kế hoạch năm; lãi sau thuế 3.674 tỷ đồng, gấp 4,4 lần cùng kỳ và vượt 145% kế hoạch năm.

Khang Minh Group chốt quyền chào bán cổ phiếu giá 10.000 đồng/cp

Khang Minh Group (HNX: GKM) thông báo 9/9 là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu. Cụ thể, doanh nghiệp dự kiến chào bán hơn 7,4 triệu cổ phiếu với tỷ lệ 2:1. Vốn điều lệ có thể tăng từ gần 149 tỷ lên hơn 223 tỷ đồng.

Về kết quả kinh doanh, lũy kế 6 tháng, doanh thu tăng 43% lên gần 93 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế gấp 3,5 lần, đạt hơn 9 tỷ đồng, hoàn thành 86% kế hoạch.

Tính đến 30/6, Khang Minh Group có hơn 32 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và 8,7 tỷ đồng thặng dư vốn cổ phần.

Hàng loạt cổ phiếu chuyển niêm yết về HoSE

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) thông báo về việc chuyển giao dịch cổ phiếu của 16 doanh nghiệp về Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE). Đây là các cổ phiếu trước đây đã tự nguyện chuyển sang giao dịch trên HNX để giảm tải cho hệ thống HoSE.

Các doanh nghiệp này gồm Tập đoàn PAN (HNX: PAN) cùng các đơn vị thành viên là Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (HNX: ABT), Bibica (HNX: BBC), Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (HNX: LAF), Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (HNX: NSC), Giống cây trồng Miền Nam (HNX: SSC), Khử trùng Việt Nam (HNX: VFG).

Tương tự là các doanh nghiệp như Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HNX: BSI), Bất động sản Khải Hoàn Land (HNX: KHG)... 27/8/2021 sẽ là ngày giao dịch cuối cùng của 16 cổ phiếu này trên HNX.

Nguồn : NDH · Cafef

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Thống kê giao dịch khớp lệnh

TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
MSN	135,000	5.06%	0.16%
GVR	35,200	3.53%	0.10%
SAB	147,200	3.37%	0.06%
HPG	48,400	1.36%	0.06%
GAS	87,300	1.51%	0.05%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
SHB	27,500	1.85%	0.22%
VND	51,500	3.00%	0.15%
IDC	36,100	4.03%	0.10%
VCS	119,300	2.14%	0.09%
NVB	29,000	3.20%	0.08%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VIC	94,600	-0.84%	-0.06%
CTG	32,150	-1.83%	-0.06%
VHM	107,000	-0.28%	-0.02%
DPM	33,900	-4.24%	-0.01%
APH	47,500	-2.86%	-0.01%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
PTI	31,000	-3.13%	-0.02%
BII	11,700	-7.14%	-0.01%
BBC	60,300	-5.04%	-0.01%
SCI	32,400	-4.14%	-0.01%
WSS	10,400	-6.31%	-0.01%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
MBB	28,600	0.18%	18,341,200
CTG	32,150	-1.83%	18,206,800
HPG	48,400	1.36%	16,402,800
FIT	19,000	-4.52%	16,319,600
VHM	107,000	-0.28%	16,184,100

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
VND	51,500	3.00%	8,881,771
SHB	27,500	1.85%	8,489,518
PVS	24,800	2.90%	5,455,713
SHS	40,200	0.50%	4,904,381
BII	11,700	-7.14%	4,726,402

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
VHM	107,000	-0.28%	1,734.7
HPG	48,400	1.36%	786.5
SSI	62,000	1.31%	677.9
CTG	32,150	-1.83%	586.6
MBB	28,600	0.18%	516.5

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
VND	51,500	3.00%	447.2
SHB	27,500	1.85%	231.3
SHS	40,200	0.50%	194.7
PVS	24,800	2.90%	133.4
THD	214,100	0.09%	112.5

Thống kê giao dịch thỏa thuận

TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN

HOSE

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
MSB	9,795,000	256.77
NVL	1,810,000	191.39
VGC	4,350,000	139.20
SJS	1,650,000	99.00
GEX	4,123,121	87.82

HNX

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
SHB	9,560,187	258.13
IDC	6,990,000	230.42
VND	1,450,000	67.95
HJS	1,000,000	29.50
NVB	897,000	26.01

Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	27.46	1,101.39	26.36	1,111.10	1.10	(9.71)
HNX	1.77	67.12	0.74	23.90	1.03	43.22
Tổng 2 sàn	**29.23**	**1,168.51**	**27.10**	**1,135.00**	**2.13**	**33.51**

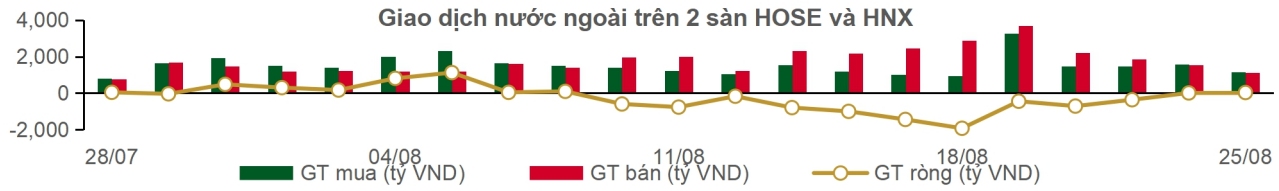

TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
SSI	62,000	3,708,100	227.16
MBB	28,600	4,755,000	135.01
E1VFVN30	24,050	3,088,500	73.71
FPT	91,900	650,500	61.65
VCB	97,500	515,900	50.35

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
VND	51,500	1,078,210	54.21
DXS	27,200	200,600	5.41
EVS	35,300	49,200	1.65
HUT	8,500	110,700	0.93
TNG	29,300	21,000	0.61

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VHM	107,000	1,492,500	159.87
HPG	48,400	2,712,100	129.70
VCB	97,500	681,500	66.54
MSN	135,000	505,600	66.06
FPT	91,900	641,700	60.83

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VND	51,500	222,000	11.10
VCS	119,300	33,000	3.90
SHS	40,200	27,800	1.09
DXS	27,200	40,000	1.07
VGS	30,700	34,200	0.95

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
SSI	62,000	3,041,900	186.51
MBB	28,600	3,903,400	111.06
E1VFVN30	24,050	1,413,200	33.79
HDB	33,800	938,600	31.76
VJC	127,000	169,900	21.22

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VND	51,500	856,210	43.11
DXS	27,200	160,600	4.34
EVS	35,300	46,900	1.57
HUT	8,500	110,700	0.93
TNG	29,300	20,500	0.60

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VHM	107,000	(1,419,000)	(151.99)
HPG	48,400	(1,981,100)	(94.87)
CTG	32,150	(974,000)	(31.20)
VIC	94,600	(296,300)	(27.95)
HSG	38,700	(536,000)	(20.29)

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VCS	119,300	(29,000)	(3.42)
SHS	40,200	(25,500)	(1.00)
VGS	30,700	(34,200)	(0.95)
PAN	28,200	(21,300)	(0.57)
S99	18,200	(30,400)	(0.55)

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ

Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)
E1VFVN30	24,050	0.4%	3,156,000	75.32
FUEMAV30	16,850	0.6%	139,700	2.32
FUESSV30	19,000	0.0%	75,400	1.39
FUESSV50	21,500	1.9%	16,400	0.35
FUESSVFL	20,700	1.5%	100,500	2.04
FUEVFVND	24,880	-0.9%	980,700	24.30
FUEVN100	17,850	0.0%	62,300	1.11
Tổng cộng			**4,531,000**	**106.82**

MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFVN30	73.71	39.92	33.79
FUEMAV30	1.56	2.31	(0.76)
FUESSV30	0.16	1.27	(1.11)
FUESSV50	0.06	0.00	0.06
FUESSVFL	0.39	1.24	(0.85)
FUEVFVND	20.88	23.75	(2.87)
FUEVN100	0.53	1.09	(0.56)
Tổng cộng	**97.29**	**69.59**	**27.69**

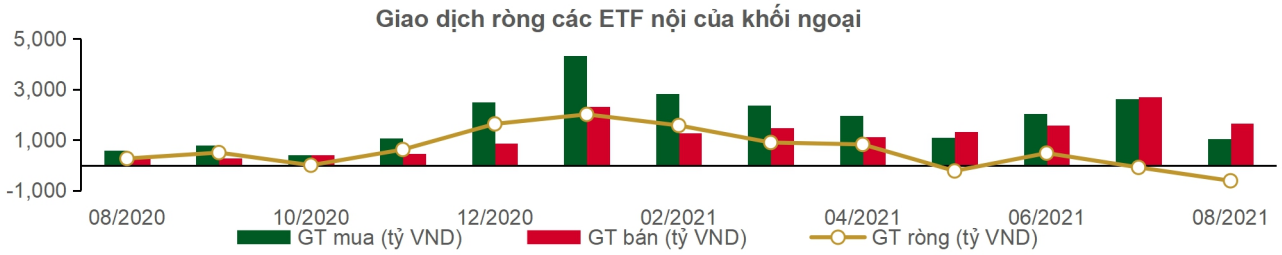

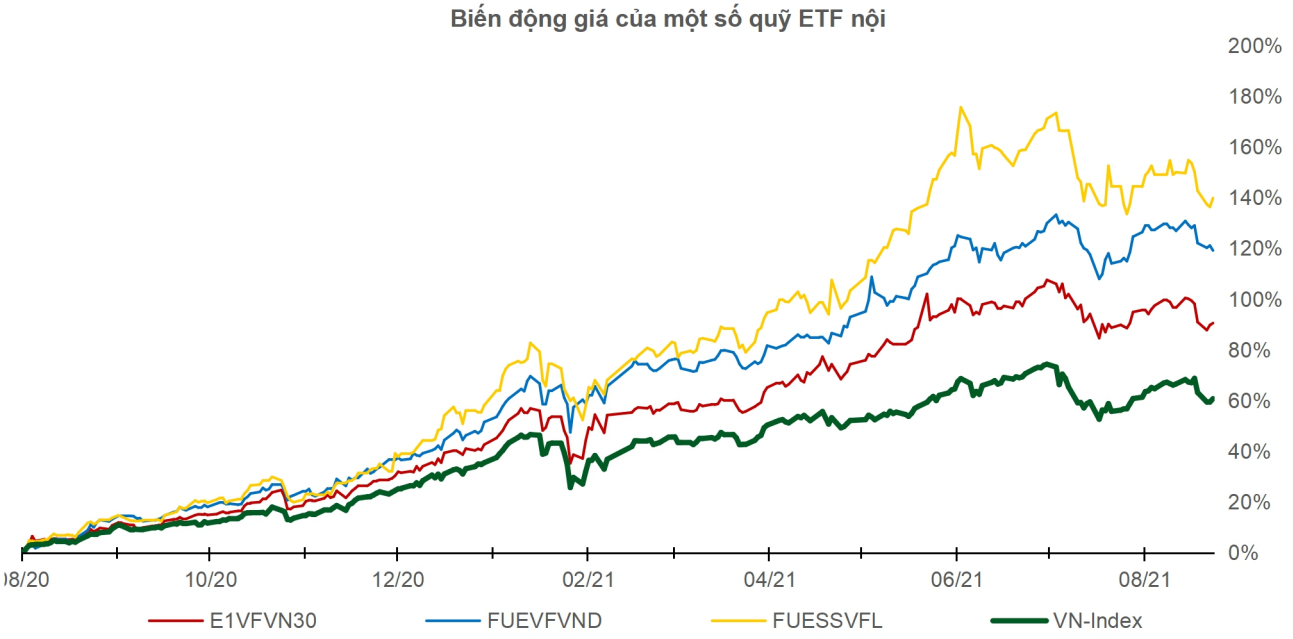

Thống kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2102	5,020	0.0%	710	138	91,900	1,204	(3,816)	89,050	4.9	10/01/2022
CFPT2103	3,130	0.6%	10,670	135	91,900	325	(2,805)	98,950	4.9	07/01/2022
CFPT2104	3,030	-1.0%	13,800	103	91,900	1,343	(1,687)	79,160	9.9	06/12/2021
CHDB2101	1,430	-0.7%	1,940	28	33,800	792	(638)	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2101	5,390	3.7%	8,690	28	48,400	4,823	(567)	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2106	7,540	1.9%	36,400	2	48,400	7,663	123	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2109	7,700	-1.0%	1,410	138	48,400	624	(7,076)	55,000	1.0	10/01/2022
CHPG2110	2,650	6.4%	79,830	103	48,400	1,000	(1,650)	44,000	5.0	06/12/2021
CKDH2101	2,100	-1.9%	5,060	28	38,400	1,811	(289)	30,300	4.5	22/09/2021
CMBB2103	3,050	1.3%	9,610	135	28,600	66	(2,984)	34,810	1.5	07/01/2022
CMSN2101	2,100	10.5%	10,170	28	135,000	1,819	(281)	99,150	19.8	22/09/2021
CMSN2102	1,600	13.5%	7,650	28	135,000	1,264	(336)	110,160	19.8	22/09/2021
CMSN2104	5,200	5.7%	9,470	252	135,000	2,422	(2,778)	118,000	10.0	04/05/2022
CMWG2104	6,230	2.1%	5,860	(156)	161,500	(80)	(6,310)	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	3,760	3.0%	31,460	2	161,500	3,752	(8)	131,500	8.0	27/08/2021
CMWG2106	2,790	13.0%	12,270	135	161,500	197	(2,593)	180,000	10.0	07/01/2022
CNVL2101	4,390	0.0%	540	28	105,500	4,167	(223)	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,560	-2.5%	30,680	33	105,500	936	(624)	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	70	16.7%	323,650	2	86,800	(0)	(70)	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,730	1.8%	19,080	33	86,800	86	(1,644)	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2104	1,100	-2.7%	16,150	135	89,000	29	(1,071)	109,000	8.0	07/01/2022
CSBT2101	820	-14.6%	1,420	28	21,000	0	(820)	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	3,600	-5.3%	2,540	28	27,350	2,694	(906)	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2104	4,590	4.3%	43,350	2	27,350	4,453	(137)	22,900	1.0	27/08/2021
CSTB2105	6,280	1.3%	290	138	27,350	848	(5,432)	30,000	1.0	10/01/2022
CTCB2101	20,500	1.0%	3,640	41	49,150	18,227	(2,273)	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2104	1,850	8.8%	46,020	2	49,150	1,678	(172)	45,800	2.0	27/08/2021
CTCB2105	3,690	2.8%	58,890	252	49,150	1,472	(2,218)	45,000	5.0	04/05/2022
CTCH2101	250	-7.4%	2,870	28	18,350	(0)	(250)	24,060	3.9	22/09/2021
CVHM2101	1,670	-7.7%	5,190	28	107,000	75	(1,595)	106,890	16.0	22/09/2021
CVIC2101	370	5.7%	5,860	28	94,600	(0)	(370)	112,780	17.8	22/09/2021
CVIC2103	300	-6.3%	9,630	33	94,600	(0)	(300)	147,450	17.8	27/09/2021
CVIC2104	1,700	-2.9%	25,070	135	94,600	64	(1,636)	110,210	8.9	07/01/2022
CVNM2101	290	-6.5%	1,970	28	86,900	(0)	(290)	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2104	410	13.9%	6,320	19	86,900	(0)	(410)	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	240	-7.7%	12,320	33	86,900	(0)	(240)	117,930	19.8	27/09/2021
CVNM2106	2,510	0.0%	2,290	141	86,900	95	(2,415)	100,000	5.0	13/01/2022
CVNM2107	1,590	-1.2%	10,310	135	86,900	60	(1,530)	98,000	10.0	07/01/2022
CVNM2108	2,060	1.5%	32,810	103	86,900	777	(1,283)	80,000	10.0	06/12/2021
CVPB2104	4,100	-3.5%	33,610	2	61,400	4,135	35	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2101	250	0.0%	1,020	28	26,300	(0)	(250)	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2105	1,300	-6.5%	25,570	252	26,300	287	(1,013)	30,000	5.0	04/05/2022

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK		Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
MSN	(New)	HOSE	135,000	171,800	25/08/2021	7,375	6,059	20,833	21%	5%	28.4	8.3
FMC	(New)	HOSE	41,800	46,400	20/08/2021	220	3,745	22,794	16%	11%	12.4	2.0
HPG	(New)	HOSE	48,400	64,800	19/08/2021	28,065	6,261	18,845	33%	18%	10.4	3.4
ANV	(New)	HOSE	28,600	27,700	16/08/2021	222	1,739	18,043	9%	4%	15.9	1.5
VIB	(New)	HOSE	37,000	45,700	12/08/2021	5,298	3,411	17,841	23%	2%	13.4	2.6
NLG		HOSE	41,500	49,500	11/08/2021	1,090	3,175	29,565	12%	7%	15.6	1.7
STK		HOSE	46,000	45,300	30/07/2021	239	2,835	15,598	18%	12%	16.0	2.9
PNJ		HOSE	89,000	112,600	29/07/2021	1,411	6,203	27,067	23%	15%	18.2	4.2
TCM		HOSE	72,500	65,800	28/07/2021	285	4,595	29,994	15%	9%	14.3	2.2
VNM		HOSE	86,900	118,000	28/07/2021	9,988	4,732	16,254	29%	19%	25.9	7.3
SZC		HOSE	43,500	45,800	26/07/2021	254	2,543	13,930	18%	4%	18.0	3.3
KDC		HOSE	59,700	74,000	23/07/2021	594	2,169	33,140	8%	4%	34.1	2.8
VHC		HOSE	44,800	49,500	22/07/2021	820	4,471	30,346	15%	11%	11.1	1.6
FRT		HOSE	39,000	39,000	21/07/2021	86	1,086	15,486	7%	1%	35.9	2.5
DGW		HOSE	85,000	155,000	19/07/2021	448	10,128	35,337	29%	12%	15.3	4.4
PVI		HNX	41,900	39,777	16/07/2021	928	3,964	32,723	12%	4%	10.0	1.2
BMI		HOSE	32,850	42,800	13/07/2021	310	3,395	26,601	13%	5%	12.6	1.6
DXG		HOSE	21,100	32,300	09/07/2021	1,390	1,727	14,784	13%	5%	18.7	2.1
DHC		HOSE	82,000	109,000	08/07/2021	497	8,868	31,698	28%	18%	12.3	3.4
GMD		HOSE	47,900	54,800	07/07/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	31.5	2.5
GVR		HOSE	35,200	40,200	05/07/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1
TPB		HOSE	34,900	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2
KDH		HOSE	38,400	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6
AAA		HOSE	17,100	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0
VRE		HOSE	26,300	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6
VHM		HOSE	107,000	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2
PHR		HOSE	50,300	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1
KBC		HOSE	36,200	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5
REE		HOSE	58,100	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4
MPC		UPCOM	36,612	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6
IMP		HOSE	68,200	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3
DHG		HOSE	93,500	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6
MWG		HOSE	161,500	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8
SAB		HOSE	147,200	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1
NVL		HOSE	105,500	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5
VGG		UPCOM	43,017	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3
VCB		HOSE	97,500	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6
ACB		HOSE	32,450	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4
TCB		HOSE	49,150	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0
GEG		HOSE	16,200	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7
BMP		HOSE	53,600	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1
CTD		HOSE	65,200	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7
FPT		HOSE	91,900	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5
VGS		HNX	30,700	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4
SMC		HOSE	46,400	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4
ACV		UPCOM	75,514	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7
PLX		HOSE	49,550	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7
SBT		HOSE	21,000	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2
QNS		UPCOM	47,974	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3
GAS		HOSE	87,300	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
MSH	HOSE	78,400	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8
TNG	HOSE	29,300	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5
GIL	HOSE	56,500	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3
BSR	UPCOM	17,615	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2
GTN	HOSE	17,500	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3
LHG	HOSE	44,400	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0
CTR	UPCOM	78,988	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6
POW	HOSE	11,250	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0

Nguồn: PHFM

* Giá hợp lý chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%
Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%
Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%
Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết
Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).
Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5413 7991
Web: www.phfm.vn